TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

2. Bà Néang Sâm Bô.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Khoa Trung - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 17, khóm B, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 30, khóm B, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần L trình bày: Bà L và ông T tự tìm hiểu nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang ngày 31/12/2020. Trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, không còn liên lạc. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T; Về con chung Nguyễn P, sinh ngày 30/8/2022 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: không yêu cầu; nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn T đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông T. Về con chung tiếp tục giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông T có hộ khẩu tại: Tổ 30, khóm B, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 31/12/2020 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà L, ông T phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2022 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Ban nhân dân khóm B, thị trấn C xác định "...Ông T có đăng ký hộ khẩu tại khóm B, tuy nhiên từ lâu đã không thấy ông T về thăm bà L, hai bên có phát sinh mâu thuẫn do khi bà L sinh con, ông T và gia đình thiếu sự quan tâm đến bà L nên đã ly thân không còn chung số với nhau.....". Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông T không đến cũng chứng minh rằng ông T không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần L đối với ông Nguyễn T.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 30/8/2022 hiện nay cháu P do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, nên giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần L đối với ông Nguyễn T. Bà Trần L được ly hôn với ông Nguyễn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 112, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Nguyễn P, sinh ngày 30/8/2022. Giao cháu P cho bà L nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Trần L phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009873 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà L đã nộp đủ án phí. Ông T không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7

luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Ba Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Sơn Thị Thúy Liễu